

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 29-7-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trường.
2. Ông Nguyễn Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Như P; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm H; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/01/2021, biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2021, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vợ chồng bà là Nguyễn Thị Đ, Phạm H làm nghề bán thức ăn gia súc. Từ năm 2014 đến năm 2018 bà Nguyễn Thị Như P có mua thức ăn gia súc của vợ chồng bà để nuôi heo. Từ năm 2014 đến năm 2018 bà P nợ tiền mua thức ăn gia

súc của vợ chồng bà nhiều lần; đến ngày 29/8/2018 bà P ghi vào sổ theo dõi của vợ chồng bà, thừa nhận còn nợ của vợ chồng bà tổng số tiền là 99.655.000đồng. Sau đó bà P không trả nợ và cũng không mua thức ăn gia súc của vợ chồng bà nữa. Tháng 12/2020 (âm lịch), em của bà P có đến nhà trả cho vợ chồng bà 5.000.000đồng nên hiện nay bà P còn nợ vợ chồng bà tổng số tiền là 94.655.000đồng.

Do không có căn cứ chứng minh bà P mua thức ăn gia súc của vợ chồng bà là để làm kinh tế cho gia đình, cũng không có căn cứ chứng minh khoản nợ mà bà P đã thừa nhận là khoản nợ chung của vợ chồng bà P. Do đó, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Như P phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà tổng số tiền nợ gốc là 94.655.000đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu bà P trả thêm khoản tiền nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Như P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng bà P không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc, hòa giải và không tham gia các phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Đ. Vợ chồng ông làm nghề bán thức ăn gia súc nên trong khoản thời gian từ năm 2014 đến năm 2018, vợ chồng ông có bán thức ăn gia súc cho bà Nguyễn Thị Như P. Từ năm 2014 đến năm 2018 bà P nợ tiền mua thức ăn gia súc của vợ chồng ông nhiều lần; đến ngày 29/8/2018 bà P ghi vào sổ theo dõi của vợ chồng ông, thừa nhận còn nợ của vợ chồng ông tổng số tiền là 99.655.000đồng. Sau đó bà P không mua thức ăn gia súc của vợ chồng ông nữa và cũng không trả tiền nợ cho vợ chồng ông. Đến tháng 12/2020 (âm lịch), em của bà P có đến nhà trả cho vợ chồng ông 5.000.000đồng nên hiện nay bà P còn nợ vợ chồng ông tổng số tiền là 94.655.000đồng.

Nay ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Như P trả cho vợ chồng ông tổng số tiền nợ gốc là 94.655.000đồng. Ngoài ra, ông không yêu cầu bà P trả thêm khoản tiền nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Như P không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên không phát biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án vì cho rằng việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; đề nghị Hội

đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để làm việc với bà Nguyễn Thị Đ, yêu cầu bà Đ cung cấp thêm nhân chứng biết việc bà Nguyễn Thị Như P nuôi heo và có giao dịch mua bán thức ăn với bà Đ để thể hiện họ tên, địa chỉ của bà P, yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu ghi nợ thức ăn từ năm 2014 đến năm 2018 để chứng minh nợ cũ mang sang và xác định đúng bà P là người bị kiện trong vụ án; làm việc với bà H1 và mẹ bà P để làm rõ giao dịch mua bán thức ăn gia súc giữa bà P, bà H1 và mẹ bà P với vợ chồng bà Đ và xác định ai là người chót nợ vào ngày 29/8/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Như P trả khoản tiền mua thức ăn gia súc còn nợ. Do đó, cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại thời điểm mua thức ăn gia súc và đổi chiều, chót nợ với vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ thì bà Nguyễn Thị Như P có nơi cư trú tại Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, theo xác nhận của Trưởng Công an xã Đ thì hiện nay bà P không có mặt tại địa phương. Việc bà P là bên có nghĩa vụ thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bên có quyền là vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ, ông Phạm H biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức và Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn bà Nguyễn Thị Như P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ cung cấp và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Từ năm 2014 đến năm 2018 bà Nguyễn Thị Như P có mua thức ăn gia súc của vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ; đến ngày 29/8/2018 bà P xác nhận còn nợ của vợ chồng bà Đ tổng số tiền là 99.655.000đồng.

[2.2] Tại sổ theo dõi việc mua bán thức ăn gia súc giữa bà P với bà Đ do bà Đ cung cấp (bút lục 30) có ghi: “*ngày 29/8/2018 cháu P nợ cô Đ 99.655.000*”. Mặc dù trong nội dung nhận nợ nêu trên không ghi cụ thể họ tên, địa chỉ của người nhận nợ, nhưng bà Đ xác định người nhận nợ chính là bà Nguyễn Thị Như P, nơi cư trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

[2.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn bà Nguyễn Thị Như P nhưng bà P cố tình vắng mặt và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ hay có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đưa ra. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở xác định ngày 29/8/2018, bà Nguyễn Thị Như P có thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn gia súc của bà Nguyễn Thị Đ với tổng số tiền là 99.655.000đồng.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ xác định số tiền bà P nợ là tài sản chung của bà và ông Phạm H. Đến ngày 29/12/2020 chị H1, là em của bà P đã trả cho vợ chồng bà Đ, ông H số tiền 5.000.000đồng và bà Đ có ghi vào sổ theo dõi phía dưới nội dung bà P ghi nhận nợ là “29/12/2020 H1 em P gửi 5.000.000 còn 94.655.000”. Do đó, hiện nay bà Nguyễn Thị Như P còn nợ bà Đ, ông H tổng số tiền là 94.655.000đồng.

[2.5] Giữa bà Đ, ông H và bà P không có thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Như P thanh toán khoản tiền còn nợ 94.655.000đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430, khoản 2 Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Đối với lãi chậm trả: Do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Như P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 94.655.000đồng x 5% = 4.732.000đồng.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ nhưng Hội đồng xét xử không chấp nhận nên không phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Như P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ và ông Phạm H tổng số tiền là 94.655.000đồng (chín mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Về lãi chậm trả: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Phạm H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Như P phải chịu 4.732.000đồng (bốn triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.491.000đồng (hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005889 ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Phạm H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị Như P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong